

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên

Bà Ngô Thị Thom

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2024/HNGĐ-TLST ngày 03/5/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Đ**, sinh ngày 12/7/1983;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.**

Đang lao động tại: **R**

Người được chị **Đ** ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.**

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 22/02/1988;

Địa chỉ : **Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.**

(Chị **Đ**, anh **S** đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - nguyên đơn chị **Hà Thị Đ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Thanh S** tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương** ngày 13/3/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 3 năm thì xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân do anh S không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến bất đồng quan điểm. Tháng 01/2022 chị sang Rumani lao động, vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm đến nhau. Đầu năm 2024 chị về Việt Nam thăm gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn và hoàn thiện các giấy tờ gửi Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về quan hệ con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/02/2014 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 20/11/2015. Hiện các con đang ở với anh S. Ly hôn chị đề nghị được giao hai con cho anh Nguyễn Thanh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh S mỗi con là 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh S không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày: Mâu thuẫn giữa anh và chị Đ xảy ra từ năm 2021, nguyên nhân do chị Đ tự ý sang Rumani lao động khi không được sự đồng ý của anh và gia đình. Tháng 01/2024 chị Đ về Việt Nam ăn tết nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung, hai bên không quan tâm đến công việc của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên do các con còn nhỏ, anh mong muốn chị Đ suy nghĩ để rút đơn về đoàn tụ. Trường hợp chị Đ kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/02/2014 và Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 20/11/2015. Hiện hai con đang được anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi hai con. Anh đồng ý hàng tháng chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh, mỗi con là 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi hoàn thiện thủ tục ly hôn, chị Đ tiếp tục sang R làm việc và ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T giao nhận văn bản tố tụng. Ông T đồng ý nhận ủy quyền và đã thông tin cho chị Đ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và anh S đều đồng ý Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Thanh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đ được ly hôn anh S; Về con chung: Giao cháu

Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/02/2014 và cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 20/11/2015 cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Thanh S đều có HKTT tại thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện tại chị Đ đang lao động tại R. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Tài liệu của chị Đ gồm đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền đều có chứng thực của phòng C, thành phố Hà Nội nên có cơ sở xác định những văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị Đ.

[3] Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Thanh S đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2022. Chị Đ xác định nguyên nhân do anh S không tu trí làm ăn, thiếu sự quan tâm đến vợ con và gia đình còn anh S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Đ đi nước ngoài, không được sự đồng ý của anh. Đầu năm 2024 chị Đ về Việt Nam ăn tết nhưng hai bên không quan tâm đến công việc của nhau, việc chị Đ quay lại R lao động anh cũng không quan tâm. Nay anh S và chị Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S mong muốn chị Đ rút đơn là vì các con còn nhỏ, không phải vì mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh S và chị Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Đ, cho chị Đ ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

[6] Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh S đều có quan điểm thống nhất để anh S nuôi cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/02/2014 và cháu Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 20/11/2015. Xét thấy, chị Đ đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi con, cháu Trâm A và Ngọc A1 cũng có nguyện vọng ở với anh S, các cháu đều được học tập và phát triển tốt. Do đó cần tiếp tục giao cháu

Trâm A và **Ngọc A1** cho anh **S** chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của các con và của các đương sự. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của chị **Đ** cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh **S** mỗi con là 2.000.000đồng/1tháng, với 02 con là 4.000.000 đồng/1 tháng.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Hà Thị Đ** và anh **Nguyễn Thanh S** không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị **Hà Thị Đ** là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hà Thị Đ** được ly hôn anh **Nguyễn Thanh S**.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung **Nguyễn Trâm A**, sinh ngày 10/02/2014 và **Nguyễn Ngọc A1**, sinh ngày 20/11/2015 cho anh **Nguyễn Thanh S** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Đ** cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh **S** mỗi con là 2.000.000đồng/tháng, với hai con là 4.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi các con tròn 18 tuổi

Chị **Hà Thị Đ** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

*Kể từ khi anh **S** có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị **Đ** không thi hành khoản tiền trên, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị **Hà Thị Đ** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000654 ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; chị **Đ** đã nộp đủ án phí

hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị **Đ** còn phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh **Nguyễn Thanh S** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị **Hà Thị Đ** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Phong;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu